

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 17-11-2020

Về việc “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Dũng

Các Thẩm phán:

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2020/TLPT-HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn”

Do bản án hôn nhân sơ thẩm số 41/2020/HNGĐ-ST, ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn L, sinh năm 1953; Địa chỉ: Ấp 3, xã N, huyện B, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1952; Địa chỉ: Ấp 3, xã N, huyện B, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị A, bị đơn.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ông Trần Văn L trình bày:

Ông và Bà Nguyễn Thị A cưới nhau năm 1976, có đăng ký kết hôn tại thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, nhưng hiện nay đã thất lạc giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 1990 thì phát

sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn sống chung từ lâu. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà A.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông L xác định ông và bà A có 05 con chung bao gồm: Trần Thị Ngọc N, sinh năm 1977; Trần Quốc Ph, sinh năm 1979; Trần Cao S, sinh năm 1981; Trần Đức M, sinh năm 1986 và Trần Nhật Tr, sinh năm 1988 (đã chết). Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Bà Nguyễn Thị A là bị đơn đã trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến của ông L về thời gian cưới nhau, kết hôn cũng như về con chung. Bà xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông L.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân sơ thẩm số 41/2020/HNGĐ-ST, ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đã quyết định:

Về hôn nhân: Ông Trần Văn L được ly hôn với Bà Nguyễn Thị A.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, Bà Nguyễn Thị A kháng cáo không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không rút đơn kháng cáo và cho rằng: Tuy vợ chồng đã không còn chung sống hơn 20 năm nay, dù không còn tình cảm nhưng vì tình nghĩa, quan hệ xã hội nên bà không đồng ý ly hôn.

Ông Trần Văn L tiếp tục khẳng định, vợ chồng đã không còn sống chung hơn 20 năm nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng đã không còn, nên ông L vẫn giữ nguyên ý kiến ly hôn với bà A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa có ý kiến nhận xét về thủ tục giải quyết vụ án đã đảm bảo theo đúng qui định của pháp luật. Về nội dung tranh chấp: Theo tài liệu trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa xét thấy mâu thuẫn giữa ông L và bà A là rất nghiêm trọng và ông bà cũng không còn chung sống chung nhiều năm. Như vậy dù có tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì thực chất ông bà cũng không thể chung sống hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó án sơ thẩm giải quyết cho ông L được ly hôn với bà A là có căn cứ. Bà A kháng cáo nhưng không đưa ra được giải pháp để vợ chồng tiếp tục chung sống nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trước Tòa án, Ông L và bà A đều thống nhất khẳng định mối quan hệ vợ chồng giữa hai người đã có rất nhiều mâu thuẫn và không còn sống chung, không còn quan tâm gì đến nhau tính đến nay đã trên 20 năm nên ông L và bà A đều xác định tình cảm vợ chồng đã không còn. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành hòa giải để hai bên

đoàn tụ nhưng cả hai vẫn xác định dù Tòa án không cho ly hôn thì hai bên vẫn không quay về sống chung với nhau. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L là có cơ sở, bà A kháng cáo nhưng không đưa ra chứng cứ gì mới nên không được chấp nhận. Lời phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tại phiên tòa đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà A, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[2] Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm. Tuy nhiên, bà A là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên miễn toàn bộ án phí cho bà A.

[3] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của Bà Nguyễn Thị A; giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 41/2020/HNGĐ-ST, ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều Áp dụng Điều 51, 56, 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Trần Văn L được ly hôn với Bà Nguyễn Thị A.
2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí cho Ông Trần Văn L.
3. Về án phí phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí cho Bà Nguyễn Thị A.
4. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quốc Dũng